

LỄ HỘI CỔ TRUYỀN VIỆT NAM -

TRONG BỐI CẢNH VĂN HOÁ TỘC NGƯỜI VÀ VĂN HOÁ VÙNG

(Tiếp theo số 1(14) - 2006 và hết)

NGUYỄN TRI NGUYÊN*

6 - Lễ hội anh hùng dân tộc

Hội tiệc làng Tất Thắng, xã Tất Thắng, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ

Theo phong tục, làng Tất Thắng, thường niên có 3 hội tiệc lớn tổ chức ở đình Cả (Tĩnh Cả), nơi thờ các vị Thánh Tản Viên, Thánh Mẫu, Ngọc Hoa công chúa, Thành hoàng và thổ công. Đó là các dịp: Lễ Thượng nguyên (15 tháng Giêng), tiệc Khao quân (12 tháng 6) và tiệc sinh nhật đức Thánh Tản Viên, hay giỗ Thánh Mẫu (12 tháng 11). Ngày 12 tháng 6 là thời điểm diễn ra lễ hội chính của làng. Trước kia, khi chưa có đình, dân làng thờ đức thánh Tản Viên ở bãi Vai Chát, vào mồng 8 tháng Giêng hàng năm. Lễ hội này mở vào đầu xuân và có quy mô lớn nhất. Về sau, khi làng có đình, các tiệc lớn đều được người dân đem vào đình thực hiện, tiệc mồng 8 tháng Giêng hoá hoãn mới tổ chức.

Tương truyền, ngày này năm xưa, đức Thánh Tản Viên, sau khi thắng trận quân Thục trở về, đã cùng quân lính và dân làng mở tiệc ăn mừng lớn. Bắt nguồn từ thần tích đó, lễ hội có tên gọi là tiệc Khao quân.

Ngày 11 tháng 6, dân làng làm lễ rước kiệu,

sắc phong, trống đồng, chiêng đồng và những đồ thờ cúng khác cất giữ tại nhà ông *thủ từ* (trước kia thường là ông *mo mường*) ra đình để làm lễ cáo tế. Lúc cáo tế, ông *thủ từ* làm lễ cúng khấn, xin âm dương, mời các vị thánh thần, thổ công về dự hội tiệc. Sau đó, các bô lão lần lượt quỳ xuống bái thờ, bái lạy trình báo đức thánh Tản Viên việc mở hội của làng.

Ngày 12 tháng 6, mở đầu hội tiệc là lễ tế Thánh tại đình Cả. Đây là một nghi thức rất quan trọng, liên quan đến vị thế trung tâm mừng của làng Tất Thắng trong xã hội truyền thống. Trước 1945, khi tiến hành tế lễ, ngôi chủ tế nhất định phải là *Thổ lang*, người giữ chức vụ đứng đầu mường, đảm nhiệm. Trừ trường hợp gia đình nhà lang có việc hiếu, làng mới được phép bầu người khác. Hiện nay, ngôi vị này thuộc về những người có uy tín và đạo đức do dân làng lựa chọn. Trong thời gian tế lễ, các gia đình cũng mang mâm cúng của mình đến đặt ở đình nhằm tạ ơn thánh và cầu phúc. Sau lượt tế lễ của dân làng là lượt tế của *dân nước nghĩa* (7 làng láng giềng cùng thờ chung đức Thánh Tản Viên). Đến trưa, lễ tế kết thúc. Người ta lại đem phần lộc Thánh trở về nhà, lấy cỗ cúng từ bàn thờ gia tiên xuống thết đãi bà con, anh em họ hàng, bạn bè và khách phương xa về dự hội.

* PHÓ VIỆN TRƯỞNG VIỆN VĂN HOÁ - THÔNG TIN

Ăn uống xong dân làng bước vào hội vui với nhiều trò chơi, điệu múa hát và bài nhạc truyền thống. *Ném Còn* là trò chơi mở đầu hội, nó biểu hiện cho sự giao hoà âm dương. Do đó, những đôi nam nữ thường thông qua tục Ném Còn để biểu lộ tình cảm và hẹn ước trăm năm với nhau. Tiếp theo tục Ném Còn là đến tiết mục diễn tấu *cồng chiêng kếp* với 4 giai điệu truyền thống: Đi đường, Rủ nhau đi hội, Chúc rượu và Chào. Khi diễn tấu cồng chiêng và trống đồng, nhạc công phải tuân thủ chặt chẽ những nghi lễ kiêng kỵ. Cũng trên sàn hội, các trò đánh vật, kéo co, bắn nỏ, chơi gà, bịt mắt bắt vịt... cũng diễn ra sôi nổi thu hút đông đảo người tham gia. Theo tục lệ, trò kéo co được chia theo bè nam, bè nữ, giáp nọ đấu với giáp kia, xóm này kéo với xóm khác. Bên nào được thì chặt giây song ra làm nhiều đoạn, rồi chia nhau làm *xeo trau* cầu lấy sự may mắn cho cả gia đình. Bên cạnh những trò chơi kể trên, người Mường Tất Thắng còn tổ chức múa hát giao duyên. Các làn điệu dân ca đặc sắc như *hát rang*, hát ví kể *chuyện thơ về nàng Ờm*, *Hai Mối* được dân làng trình diễn say sưa. Song song với hát hội, người ta cũng biểu diễn các điệu múa như *múa Mối* với mục đích nhằm xua đuổi tà ma, cầu sức khoẻ cho cộng đồng, múa *Chàm Đuống* (còn gọi là Đâm Ống), và đặc biệt là điệu múa *Trống Đu* (điệu múa trống cơm vui đùa) biểu tượng cho sự may mắn, sự sinh sôi của vạn vật, chỉ người Mường Tất Thắng mới có. Sau các cuộc nhảy múa mang tính cộng đồng, dân làng trở lại đình là lễ tạ ơn Thánh rồi Hội tiệc kết thúc.

Tiệc Khao quân - lễ hội lớn nhất trong năm - có một ý nghĩa rất quan trọng đối với đời sống của dân làng Tất Thắng. Hội tiệc với hai phần nghi lễ tế trang nghiêm và hội trò tung bồng, náo nhiệt đã đưa dân làng trở về với cội nguồn, khắc sâu vào tâm thức họ tình yêu mảnh đất quê hương và làm tăng thêm niềm tin, sức sống cho họ trong cuộc sống vất vả hiện tại.

7 - Lễ hội Đạo Mẫu của người Việt

Có thể nói, Đạo Mẫu, tín ngưỡng thờ Mẫu hay thờ Nữ thần là vấn đề tưởng như cổ xưa nhưng luôn còn mới mẻ. Các giá trị của nó đã được các nhà nghiên cứu đề cập và luận giải.

Khi bàn về giá trị và cơ tầng văn hoá của Đạo Mẫu, cố GS. Trần Quốc Vượng đã khẳng định: *Mẫu Liễu, người đại diện tối cao và tột cùng của Nguyên lý Mẹ của nền văn hoá Việt*

Nguyễn Tri Nguyên: Lễ hội cổ truyền Việt Nam...

Nam, một nền văn hóa xuất phát từ nền văn minh nông nghiệp trồng lúa nước. Chúng tôi nghĩ rằng tín ngưỡng thờ Mẫu không phải của riêng văn hoá Việt Nam mà nó là một tín ngưỡng có tính nhân loại.

Ngoài ra, Đạo Mẫu còn mang trong mình các giá trị triết học và giáo huấn. Gắn với Đạo Mẫu, hiện tượng *lên đồng* như là "là một hiện tượng tâm lý tôn giáo học rất nguyên thủy và phổ biến trên thế giới. Về sau nhiều tín ngưỡng tôn giáo khác nhau của nhiều không gian và thời gian khác nhau hấp thụ và phát triển" (PGS. Nguyễn Duy Hinh). Đây là vấn đề chưa hẳn đã có kết luận cuối cùng. Đạo Mẫu hành trình đến đâu, lên đồng, hầu bóng hành trình theo đến đó, nó có thêm nhiều sắc thái mới, phong phú và đa dạng hơn, đặc biệt khi nó lan toả về phương Nam.

Lễ hội Phủ Dầy rất gần gũi với lễ hội dân gian ở các đình, đền trong vùng châu thổ Bắc Bộ. Đó là trò kéo quân xếp chữ, người Vụ Bản gọi là *ngả chữ*. Vai trò và nét đặc trưng của âm nhạc trong hoạt động của Đạo Mẫu nói chung và của lễ hội Phủ Dầy nói riêng rất đặc sắc, bởi vì gắn liền với tín ngưỡng Tứ phủ, hát Văn đóng vai trò đặc biệt quan trọng trong việc phụ trợ, kích thích sự thăng hoa, giao cảm giữa con nhang đệ tử với thần linh. Đây là mối quan hệ hữu cơ giữa một thể loại âm nhạc và một hình thức tín ngưỡng.

Có thể nói, lên đồng, hát văn, hầu bóng hay múa bóng đều ghi đậm dấu ấn một nền văn hoá cổ xưa mà học giả người Nga, A. JA. Gurêvich trong công trình nghiên cứu *Các phạm trù văn hoá trung cổ*, đã chỉ rõ: "Lễ nghi, thể thức đóng một vai trò to lớn trong đời sống của con người trung cổ... Cũng cần nhớ đến nhận xét đích đáng sau đây của J.Le Goff. Chủ nghĩa phong kiến, đó là thế giới của những cử chỉ, chứ không phải là thế giới của ngôn từ được ghi lại. Văn tự không truyền đạt đầy đủ mảng cơ bản những biểu tượng của con người trung cổ"¹. Mặt khác, hình thức diễn xướng này tuân thủ nghiêm ngặt mỹ học Folklor: "Như vậy, Folklor nói chung - nhà mỹ học Guxep viết - do bản chất hình tượng nghệ thuật của nó phải được xem xét như một kết hợp những thể loại phức tạp đa yếu tố của nghệ thuật hỗn hợp, những thể loại này sử dụng những phương tiện hình tượng có mục đích tác động tới sự cảm thụ thính

giác kết hợp sự cảm thụ thị giác trong lúc biểu diễn². Hiện nay dù sự thể hiện của đạo Mẫu rất đa dạng khi lan toả và tiếp nhận thêm nhiều yếu tố văn hoá và tín ngưỡng khác, nó vẫn bộc lộ những nét đặc trưng chung.

Nơi dừng chân đầu tiên của Mẫu trên xứ sở của người Chăm-pa. Pô Inư Nagar trở thành Thiên Yana Thánh Mẫu - bà Mẹ chung của các dân tộc cùng cộng cư trên vùng đất Trung Bộ. Nằm ở phía Tây thành phố Huế, cách trung tâm khoảng 7km, trên bờ Bắc sông Hương, điện Hòn Chén và nơi thờ Thiên Yana Thánh Mẫu - vốn gốc là Pơ Inư Nagar - Mẹ xứ sở của tộc Chăm-pa, người Việt tiếp nhận nơi này đón Mẫu Liễu của mình vào phối thờ. Điện Hòn Chén, ban đầu chỉ được làm đơn sơ bằng tranh tre nứa, dần dần được xây dựng kiên cố thành điện Hòn Chén. Năm Minh Mạng thứ 13 (1832), ngôi điện được trùng tu, có chính điện thờ Tiên Chúa và miếu thờ Thủy thần. Đến triều Đồng Khánh, có sắc chỉ trùng tu đền Ngọc Trản (đền Hòn Chén), đổi tên thành điện Huệ Nam với ngôi điện thờ ba gian, xây theo kiểu kiến trúc truyền thống Huế. Cùng với những truyền thuyết về Thiên Yana Thánh Mẫu, điện Huệ Nam đã trở thành một nơi huyền bí, linh thiêng lạ thường. Lễ hội điện Hòn Chén được tổ chức trong 3 ngày, vào thượng tuần tháng Bảy (âm lịch). Ngoài người dân Huế, về dự còn có khách hành hương từ các tỉnh khác như Quảng Bình, Quảng

Trị, Đà Nẵng, Bình Thuận, Bình Định, thành phố Hồ Chí Minh..., trong đó có cả người Hoa, người Chăm-pa...

Như vậy, những truyền thuyết, truyện kể dân gian và các hình thức sinh hoạt văn hoá truyền thống còn tồn tại cho đến ngày nay đã khẳng định rằng tín ngưỡng thờ Thiên Yana - Thánh Mẫu ở Huế nói riêng và ở Việt Nam nói chung đã đóng một vai trò hết sức quan trọng trong đời sống văn hoá tinh thần và văn hoá tâm linh của người dân nơi đây. Điện Hòn Chén không những là một di tích thắng cảnh nổi tiếng, mà còn là một địa danh văn hoá, nơi người dân lưu giữ và thể hiện chiều sâu tâm linh qua các hình thức sinh hoạt và lễ hội tín ngưỡng của mình.

Trong sự tiếp biến văn hoá tín ngưỡng đó của tín ngưỡng thờ Thiên Yana - Thánh Mẫu đó, nghi thức lên đồng - hầu bóng đã có những biến đổi rõ rệt, tính chất vũ đạo, tiết tấu nhảy nhót gia tăng; giai điệu nhạc văn mang thêm âm sắc miền Trung, nhạc Huế; không gian thể hiện nghi thức mở rộng và đa dạng hơn.

Đạo Mẫu không chỉ lan toả lên phương Bắc tới Lạng Sơn, Đạo Mẫu không chỉ dừng chân tại Huế, nó còn vượt đèo Hải Vân vào miền Nam Trung Bộ. TS. Nguyễn Đăng Vũ, trong chương "Tín ngưỡng" trong luận án của mình Về văn hoá dân gian cư dân ven biển Quảng Ngãi đã dành hẳn một tiểu mục về tín ngưỡng thờ Mẫu. Tác giả viết: "Mặc dầu trải qua những thăng

trầm của lịch sử nhưng vùng ven biển Quảng Ngãi vẫn còn hàng trăm đình miếu thờ Mẫu thờ Bà cổ xưa, có nhiều nơi còn khá đậm đặc, và thường được đặt cạnh lăng Ông theo kiểu tư duy lưỡng hợp của người Việt. Tín ngưỡng thờ Mẫu ở đây vốn từng song hành với cư dân Việt di cư, để rồi biến hoá cho phù hợp với vùng đất mới, tức nó vừa nhập cư, vừa tích hợp từ đa nguồn, từ tín ngưỡng thờ nữ thần của cư dân Chăm bản địa, và tín ngưỡng nữ thần của người Hoa để làm ăn buôn bán ở vùng biển. Nhìn dưới góc độ phổ quát, người ven biển Quảng Ngãi chủ yếu là thờ Thiên Yana, Ngũ Hành



Lễ hội Tét Dân, Nghi Xuân, Hà Tĩnh - Ảnh: Hà Thanh Long

thượng giới và Thủy Long Thần Nữ, tạo nên một mô hình thờ mẫu "Tam phủ" khá đặc trưng (cũng là cách thờ mẫu của người Việt, nhưng đã biến hoá cho phù hợp với vùng đất mới, cũng là một bước phát triển trên cơ sở thờ nữ thần)³.

Theo tác giả Nguyễn Thị Xuân Hương thì biến hoá đó ở Quảng Nam - Đà Nẵng chính là: "Một nét thống nhất trong tâm thức giữa cư dân ven biển xứ Quảng và cư dân các vùng biển từ Nam Trung Bộ trở vào, là vẫn duy trì hoạt động thờ Thần Mẹ/Mẫu Thần theo tín niệm ba ngôi/Tam phủ. Song, trước hết, hoạt động ấy luôn hồi quy về một vị thần Mẹ khởi nguyên, mang đậm dấu ấn của Bà Mẹ xứ sở Chăm-pa. Đó cũng chính là nguyên do đã khiến cho các làng quê xứ Quảng mọc lên rất nhiều miếu thờ Bà Chúa Ngọc/Thiên Yana. Và, gắn với việc thờ Bà là các nghi lễ tương đối thống nhất, trong đó có một vài nghi lễ như pha các nghi thức của người Chăm, như: Lễ dâng Bông, dâng Mâm (đã từng diễn ra trước đây)" (*Luận án Tiến sĩ*).

TS. Ngô Văn Doanh trong bài viết về: "Tín ngưỡng Pô Nagar trong đời sống văn hoá của người dân Khánh Hoà" có nêu ra một nhận xét sau: "Các nhà khoa học đã nêu ra những kiến giải về sự tương đồng giữa hình tượng Pô Nagar và việc thờ Mẫu của người Việt... Theo chúng tôi, một trong những lý do khiến người Việt tiếp tục thờ phụng rồi Việt hoá hình tượng nữ thần Pô Nagar của người Chăm vì chính Bà là thần chủ của vùng đất mà người Việt đến khai thác và sinh sống. Hiện tượng Pô Nagar ở Khánh Hoà, theo chúng tôi, có những nét thờ Bà Đen ở Nam Bộ"⁴, đó là một ý kiến có sức thuyết phục nhưng ý kiến về múa bóng của ông xem ra khác với nhiều ý kiến của một số tác giả: "Việc múa bóng và hát mừng ở lễ hội Tháp Bà do những con người bình thường thực hiện như trong các lễ của người Chăm-pa... Có thể nói, nếu so với các lễ hội Pô Nagar của người Chăm, thì lễ hội Tháp Bà ít tính lễ mà nhiều tính hội hơn"⁵.

Về tín ngưỡng thờ nữ thần ở Nam Bộ, theo tác giả Huỳnh Ngọc Trảng, căn cứ vào *Gia Định thành thông chí*, tập tục thờ nữ thần được nhắc tới đầu thế kỷ XIX và sau đó múa bóng được nói đến trong *Đại Nam nhất thống chí*, nhưng ông cũng cho rằng không phải đầu thế

kỷ XIX, mới có những thứ này. Nhiều phần chắc căn cứ dân tiền chủ của đất phương Nam cũng đã có tín ngưỡng thờ nữ thần từ trước.

Cũng theo nhà nghiên cứu Huỳnh Ngọc Trảng: "Nếu ở Huế, hình thức diễn xướng nghi lễ này vừa chịu ảnh hưởng của lối hầu bóng và hát chầu văn của tục thờ Tam toà Thánh Mẫu miền Bắc vừa chịu ảnh hưởng của múa bóng Chiêm Thành thì múa bóng Khánh Hoà và các địa phương ở cực Nam Trung Bộ nói chung, lại chịu ảnh hưởng của múa bóng Chăm đậm hơn. Vũ công múa bóng tạo nên xóm bóng và trường phái xóm bóng Nha Trang... Trong những thập niên gần đây dòng chảy Nam tiến yếu dần, múa bóng Nam Bộ phát triển trên thỏng ngôi của nó đã có những biến đổi... Nhưng vẫn còn bảo lưu những đặc điểm múa bóng vùng cực Nam Trung Bộ, thậm chí cả những đặc trưng của múa bóng Chăm"⁶.

8 - Lễ hội dân gian của người Khmer ở Nam Bộ

Số lượng các lễ hội của người Khmer rất lớn; bởi, ngoài những lễ hội dân gian, họ còn có nhiều lễ hội Phật giáo. Các lễ hội Khmer đều có cội nguồn từ tín ngưỡng cổ xưa của người Khmer. Thời gian tổ chức lễ hội tương ứng với từng giai đoạn làm nông nghiệp trồng lúa nước. Chẳng hạn: Tết năm mới (Chol Chnăm Thmây) được tổ chức vào thời điểm đất trời chuyển mùa, chuẩn bị bước vào vụ mới; lễ "nhập hạ" (Bon chôl Vassa) tổ chức vào thời điểm bắt đầu vào vụ mùa; lễ "đặt cơm vắt" (Phua chum Bon) tổ chức vào lúc cây lúa bắt đầu trở đòng; lễ "ra hạ" (Bon chênh Vassa) tổ chức khi lúa bắt đầu chín; lễ "cúng trăng" hay "Đút cốm dẹp" (Ok om bok) tổ chức sau khi gặt lúa...

Những lễ thức vừa có ý nghĩa phồn thực, vừa có ý nghĩa cầu nước như: Lễ ngàn núi hay tục "đắp núi cát" (Phuôn phnôm khsách) ngày mừng 2 tết Chol chnam thmây; tục "tắm tượng Phật và tắm cho các vị sư sãi" ngày mừng 3 tết; lễ hội đua ghe ngo (Umtuk); trò chơi ném "chhung", kéo dây, trò chơi "hòn lửa" (Kôl phlơng). Các lễ hội "cúng sân lúa" (Pithi sèn clean); lễ hội "cúng trăng" (Ok om bok); tục đút cốm dẹp vào miệng trẻ; tục thả đèn trời trong lễ "xuất hạ" (Bon chênh Vassa); tục rước đèn cây Vassa trong lễ "nhập hạ" (Bon chôl Vassa); lễ "đặt cơm vắt" (Phua chu bon)... đều là những sự bày tỏ tâm nguyện của người nông dân cầu

mưa nắng thuận hoà, mùa vụ bội thu.

Cho dù là lễ hội dân gian hay Phật giáo truyền thống thì lễ vật được sử dụng vẫn là những sản vật tự nhiên của phum sóc, và đồ thờ cúng vẫn là những đồ thờ đặc trưng Khơme: Chiếc "Salatho", vật cúng làm bằng thân cây chuối, dùng để cắm hoa, đựng trầu cau cúng (hoặc dùng làm bè thuyền thả đồ lễ cúng); chiếc thúng "Chontabong" đựng lúa, gạo, lễ vật thờ; Lá cờ dài nhiều màu và dàn nhạc ngũ âm là hai thứ không thể thiếu ở các lễ hội Khơme. Mặt khác, như mọi lễ hội của các tộc anh em, lễ hội Khơme luôn gắn với những loại hình văn nghệ truyền thống của họ. Do đó, lễ hội Khơme là dịp để các thành viên phum sóc củng cố mối liên hệ đoàn kết giúp đỡ nhau; đồng thời là dịp để mọi người vui chơi giải trí, phát huy năng lực sáng tạo và cảm thụ nghệ thuật của mình. Các giá trị văn hoá truyền thống Khơme nhờ đó được duy trì và phát huy.

Trên đây là một số nét khái quát về tín ngưỡng, lễ hội, mối quan hệ giữa hội và tín ngưỡng, vài nét về lễ hội - tín ngưỡng dân gian của một số tộc người ở những vùng văn hoá khác nhau trên đất nước ta. Hiện tượng bao giờ cũng động và phong phú hơn bản chất và quy luật. Bởi vậy chúng tôi trình bày khá chi tiết diễn trình một số lễ hội tín ngưỡng dân gian. Bắt đầu từ lễ hội của một số dân tộc thiểu số Trường Sơn - Tây Nguyên và Việt Bắc, bởi vì ở những lễ hội này còn lưu giữ những dấu ấn của sự phát sinh và hình thành tín ngưỡng, mà nổi bật ở đây là tín ngưỡng đa thần, là tục hiến sinh - đâm trâu/ăn trâu như những đặc điểm nổi bật của lễ hội của các dân tộc ở Trường Sơn - Tây Nguyên, chúng tôi muốn minh chứng rằng, khát vọng của con người thuở ban sơ chủ yếu là khát vọng chinh phục thiên nhiên và những lực lượng siêu nhiên, các nghi lễ hiến sinh đã thể hiện những quan niệm về vũ trụ còn nhiều nét huyền bí.

Lễ hội - tín ngưỡng nông nghiệp của các tộc người như một minh chứng khác cho quan điểm rằng, văn hoá ra đời nhờ vào nền văn minh nông nghiệp, mà trong đó con người hình thành ý niệm về thời gian và không gian. Các tộc người trên đất nước ta dường như đều có loại hình lễ hội này. Qua các lễ hội của người Việt bên cạnh những tín ngưỡng cổ xưa như những lễ hội tín ngưỡng phồn thực còn có sự giao

thoa, lai pha, hỗn dung giữa các tín ngưỡng với nhau,... Bên cạnh việc sùng kính các lực siêu nhiên dọc theo chiều dài lịch sử, dần dần con người biết tôn thờ và sùng kính chính những đại diện của mình: Lễ hội tín ngưỡng thờ Mẫu, lễ hội thành hoàng làng, lễ hội thờ các vị anh hùng, các tiên hiền.

Ở những vùng có giao lưu văn hoá mạnh như miền Trung và Nam Bộ, lễ hội có sự biến đổi theo hướng đa dạng hoá và địa phương hoá: Thí dụ lễ hội Đạo Mẫu, lễ hội thành hoàng làng... Có thể nhận rõ điều này qua lễ hội ở Hội An với những nét riêng, không giống với các địa phương khác, ở sự tổ chức dàn trải lễ hội suốt năm, bao gồm các lễ hội theo mùa của cư dân nông nghiệp người Việt, các lễ hội lịch tiết của người Hoa; các lễ hội ngành nghề, lễ hội của các tôn giáo. Lễ hội ở đây có quy mô nhỏ, ít trò chơi giải trí, trừ các loại hát hò và diễn tuồng. Ngoài ra còn có lễ hội Cầu ngư của cư dân ngư nghiệp, lễ Cầu bông, Cúng đất, Cúng cơm mới, Cúng thần nông, Cúng mục đồng của cư dân nông nghiệp, lễ Giỗ tổ các nghề thủ công truyền thống, lễ rước Long Chu của các làng Cẩm Phố, Hội An...

Trong bối cảnh văn hoá tộc người và văn hoá vùng, những đặc điểm của lễ hội càng trở nên đa dạng và phong phú, càng có những nét riêng cần được tôn trọng và gìn giữ./.

N.T.N

Chú thích:

- 1 - A. Gureevich: *Các phạm trù văn hoá trung cổ*, Nxb. Giáo dục, 1996, tr. 42.
- 2 - Guxep: *Mỹ học folklor*, Nxb. Đà Nẵng, 1998, tr. 172.
- 3 - Nguyễn Đăng Vũ: *Văn hoá dân gian cư dân ven biển Quảng Ngãi*, Luận án Tiến sĩ, 2003, tr. 69.
- 4 - Ngô Văn Doanh: "Tín ngưỡng Pô Nagar trong đời sống văn hoá của người dân Khánh Hoà", in trong *Văn hoá Nghệ thuật Trung Bộ*, HN, 1998, tr. 181.
- 5 - Ngô Văn Doanh: "Tín ngưỡng Pô Nagar trong đời sống văn hoá của người dân Khánh Hoà", in trong *Văn hoá Nghệ thuật Trung Bộ*, HN, 1998, tr. 180.
- 6 - Huỳnh Ngọc Trảng: *Tìm hiểu nguồn gốc của múa bóng Nam Bộ*, Văn hoá nghệ thuật Nam Bộ, HN, 1997, tr. 149 -150.